

ẢO TƯỢNG SỨC MẠNH TRUNG HOA

DAVID SHAMBAUGH. *The Illusion of Chinese Power*.
<http://www.brookings.edu/research/opinions/2014/06/23-chinese-power-shambaugh>

LAN ANH
dịch

Nhận định thông thường cho rằng người khổng lồ Trung Quốc bất khả chiến bại, và rằng thế giới phải thích ứng với thực tế rằng người khổng lồ châu Á này có lẽ là một cường quốc toàn cầu đầy quyền lực, hoặc có thể có khả năng. Ngành công nghiệp thu nhỏ của những đồn đoán về “Trung Quốc trỗi dậy” đã xuất hiện trong vài thập kỷ qua, tất cả họ đều tô lên một bức tranh về thế giới trong thế kỷ XXI, nơi mà Trung Quốc là nhân vật chính. Lòng tin này là có thể hiểu được và được phổ biến rộng rãi, nhưng thực sự sai lầm.

Cần nhớ lại rằng cách đây không lâu, vào những năm 1980, cũng đã có những dự báo tương tự về việc Nhật Bản sẽ trở thành “số một” và tham gia vào câu lạc bộ ưu tú của những cường quốc, trước khi Nhật Bản rơi vào sự đình trệ suốt ba thập kỷ và đã cho thấy Nhật Bản là một cường quốc chỉ dựa trên một phương diện (kinh tế) mà không có đủ nền tảng để chống trụ. Trước đó, Liên bang Xô viết cũng được cho là một siêu cường quốc toàn cầu (một giả định do Chiến tranh Lạnh đã xảy ra trong nửa thập kỷ) nhưng đã sụp

đổ gần như chỉ sau một đêm vào năm 1991. Những nghiên cứu về Liên Xô sau đây cũng cho thấy điều tương tự. Liên Xô là một cường quốc trên một phương diện (quân sự) đã suy yếu từ bên trong hàng thập kỷ. Sau Chiến tranh Lạnh, một số chuyên gia thừa nhận rằng Liên minh châu Âu đang được mở rộng và củng cố sẽ trỗi dậy thành một cường quốc toàn cầu mới và một cực trong hệ thống quốc tế - đến khi Liên minh châu Âu chứng tỏ sự bất lực và thiếu khả năng của mình trước hàng loạt thách thức toàn cầu. Châu Âu cũng như một cường quốc trên một phương diện (kinh tế). Vì vậy, khi nói đến Trung Quốc ngày nay, chúng ta cần có một chút tỉnh táo và hoài nghi.

Trung Quốc dĩ nhiên là cường quốc trỗi dậy quan trọng nhất của thế giới, vượt xa khả năng của Ấn Độ, Brazil và Nam Phi, và trong một vài lĩnh vực nó đã vượt qua khả năng của “các cường quốc bậc trung” khác như Nga, Nhật Bản, Anh, Đức và Pháp. Ở nhiều phương diện, không thể chối cãi Trung Quốc hiện nay là cường quốc ở vị trí thứ hai của thế giới, sau Mỹ, và trong một

vài lĩnh vực nó đã vượt qua Mỹ. Trung Quốc hội tụ nhiều yếu tố của một cường quốc toàn cầu: dân số đông nhất thế giới, lãnh thổ lục địa lớn, nền kinh tế thứ hai thế giới, dự trữ ngoại hối lớn nhất thế giới, ngân sách quốc phòng lớn thứ hai thế giới và lực lượng quân thường trực lớn nhất thế giới, có một chương trình không gian do con người điều khiển, một tàu sân bay, bảo tàng lớn nhất thế giới, đập thủy điện lớn nhất thế giới, mạng lưới đường cao tốc quốc gia lớn nhất thế giới và hệ thống đường sắt cao tốc tốt nhất thế giới. Trung Quốc là quốc gia thương mại hàng đầu thế giới, tiêu thụ năng lượng lớn nhất thế giới, có lượng khí thải nhà kính lớn nhất thế giới, tiếp nhận vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn thứ hai thế giới và cấp vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn thứ ba thế giới, và là nhà sản xuất lớn nhất thế giới của nhiều mặt hàng.

Tuy nhiên, năng lực chỉ là một thước đo của sức mạnh quốc gia và quốc tế - và không phải thước đo quan trọng nhất. Nhiều thế hệ các nhà khoa học xã hội đã chỉ ra dấu hiệu quan trọng hơn của sức mạnh chính là *sức ảnh hưởng* - khả năng chi phối các sự kiện và hành động của những nước khác. Nhà khoa học chính trị Robert Dahl đã từng nhận xét: “Bên A có ảnh hưởng đối với Bên B ở mức độ có thể khiến Bên B làm những việc mà Bên B không thể làm khác được”. Năng lực không thể chuyển đổi thành hành động nhằm đạt được những mục đích cụ thể thì không có nhiều giá trị. Sự tồn tại của chúng có tác dụng gây ấn tượng hoặc răn đe, nhưng khả năng ảnh hưởng đến hành động của bên khác hoặc kết quả của một việc mới là điều quan trọng. Dĩ nhiên, có nhiều cách thức khác nhau mà các quốc gia sử dụng năng lực của mình để gây ảnh

hưởng đến hành động của các quốc gia khác cũng như chiều hướng của sự việc: thu hút, thuyết phục, thu nạp, ép buộc, đền đáp, khuyến khích, hăm dọa hoặc sử dụng vũ lực. Như vậy, sức mạnh và việc sử dụng sức mạnh về bản chất liên quan đến việc sử dụng các cách thức tác động lên các quốc gia khác nhằm chi phối tình huống theo chiều hướng có lợi cho bản thân.

Khi chúng ta nhìn vào sự hiện diện và cách hành xử của Trung Quốc trên vũ đài quốc tế ngày nay, chúng ta cần nhìn xa hơn năng lực bề ngoài ấn tượng của nước này và tự hỏi: Liệu Trung Quốc có đang thực sự *chi phối* hành động của các quốc gia khác và xu hướng của các vấn đề quốc tế trong những lĩnh vực khác nhau? Câu trả lời ngắn gọn là: không nhiều, nếu không muốn nói là không một chút nào. Nếu có, chỉ ở rất ít lĩnh vực có thể kết luận rằng Trung Quốc đang thực sự ảnh hưởng tới các quốc gia khác, thiết lập các chuẩn mực toàn cầu hay định hình những xu hướng toàn cầu. Nước này cũng không nỗ lực giải quyết các vấn đề toàn cầu. Trung Quốc là một cường quốc thụ động, né tránh đối mặt với những thách thức và lẩn tránh khi khủng hoảng toàn cầu bùng nổ. Những cuộc khủng hoảng đang xảy ra ở Ukraine và Syria là những ví dụ gần đây nhất cho thấy sự thụ động của Bắc Kinh.

Ngoài ra, khi nghiên cứu kỹ lưỡng năng lực của Trung Quốc, có thể thấy đây không phải là một nước thực sự mạnh. Nhiều chỉ số gây ấn tượng theo khía cạnh định lượng, nhưng về thực chất thì lại không. Thiếu sức mạnh thực chất dẫn đến việc Trung Quốc không có tầm ảnh hưởng thực sự. Người Trung Quốc có câu tục ngữ *wai ying, nei ruan*: ngoài cứng, trong mềm. Đây chính là

đặc điểm của Trung Quốc ngày nay. Xem xét kỹ những số liệu thống kê ấn tượng của Trung Quốc, người ta sẽ phát hiện ra nhiều điểm yếu, những khó khăn thực sự và cơ sở thiếu vững chắc để có thể trở thành một cường quốc toàn cầu. Trung Quốc có lẽ chỉ là một con hổ giấy của thế kỷ XXI.

Điều này có thể nhận thấy trong năm khía cạnh chính giúp củng cố vị thế toàn cầu của Trung Quốc: đối ngoại quốc tế, năng lực quân sự, ảnh hưởng văn hóa, sức mạnh kinh tế và các yếu tố trong nước. Hãy cùng lần lượt xem xét từng khía cạnh.

Trong các phương diện chính thức, quan hệ ngoại giao của Trung Quốc thực sự đã thể hiện ở quy mô toàn cầu. Trong hơn 40 năm qua, Trung Quốc đã trải qua một chặng đường từ một quốc gia bị cô lập với cộng đồng quốc tế để trở thành một nước hòa nhập. Ngày nay, Bắc Kinh có mối quan hệ ngoại giao với 175 quốc gia, là thành viên của hơn 150 tổ chức quốc tế và là một bên tham gia của hơn 300 hiệp định đa phương. Quốc gia này hàng năm tiếp đón lãnh đạo các nước tới thăm nhiều hơn bất kỳ nước nào khác và các nhà lãnh đạo của Trung Quốc cũng thường xuyên có các chuyến công du thế giới.

Mặc dù hội nhập quốc tế và thực hiện chính sách ngoại giao tích cực, trong lĩnh vực ngoại giao, rõ ràng Trung Quốc chỉ là một cường quốc nửa vời. Một mặt, Trung Quốc vẫn mang biểu tượng của một cường quốc thế giới có ảnh hưởng lớn, là thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, thành viên của G-20 và nhiều tổ chức quan trọng khác trên thế giới, và là thành viên tham gia của tất cả các hội nghị thượng đỉnh quốc tế quan trọng. Mặt khác, quan chức Trung Quốc vẫn

thường hay phản ứng và thụ động trong các tổ chức trên cũng như khi đối phó với những thách thức toàn cầu. Trung Quốc không bao giờ đi đầu. Nước này cũng không định hình ngoại giao quốc tế, định hướng chính sách của các quốc gia khác, thúc đẩy sự đồng thuận toàn cầu, thiết lập liên minh hay giải quyết các vấn đề. Bắc Kinh không tích cực tham gia giải quyết *bất kỳ* vấn đề toàn cầu quan trọng nào. Đúng hơn, nước này là một bên tham gia thụ động và thường miễn cưỡng trong các nỗ lực song phương do những nước khác khởi xướng (thường là Mỹ).

Trở thành một cường quốc toàn cầu đòi hỏi Trung Quốc phải tham gia làm bên trung gian trong các tranh chấp, thúc đẩy sự liên minh và đồng thuận, và phải gây ra áp lực khi cần thiết. Bắc Kinh thích ngồi bên lề và đơn giản chỉ kêu gọi các quốc gia giải quyết các vấn đề của họ bằng “các biện pháp hòa bình” và để tìm “những giải pháp đôi bên cùng có lợi”. Những tuyên bố sáo rỗng như vậy khó có thể giúp ích được gì trong việc giải quyết vấn đề. Bắc Kinh cũng hoàn toàn không tán thành các biện pháp cưỡng chế và chỉ đồng ý với các biện pháp trừng phạt của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc khi nhận thấy rõ ràng rằng điều đó sẽ không khiến Bắc Kinh bị cô lập và ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh quốc tế của Trung Quốc. Đây không phải là cách hành xử của một lãnh đạo toàn cầu.

Thay vào đó, các chương trình đối ngoại cấp cao của Bắc Kinh thực sự chỉ là một vở kịch diễn, mang tính biểu tượng hơn là thực chất. Nó chủ yếu nhằm mục đích nâng cao tính chính danh của Đảng Cộng sản Trung Quốc trước các khán giả trong nước bằng cách thể hiện giới lãnh đạo Trung Quốc có sự

kết giao với giới tinh hoa của thế giới, đồng thời đưa ra tín hiệu đến cộng đồng quốc tế rằng quốc gia này đã trở lại vị thế của một siêu cường quốc sau vài thế kỷ bất lực. Như vậy, Chính phủ Trung Quốc đã cố gắng đạo diễn tỉ mỉ các cuộc tiếp xúc của lãnh đạo nước mình với những người đồng cấp ngoại quốc. Tuy nhiên, chính sách ngoại giao của Trung Quốc thực sự vẫn còn e ngại rủi ro và bị chi phối với những lợi ích quốc gia hẹp hòi. Bắc Kinh thường sử dụng cách tiếp cận có mẫu số chung nhỏ nhất, tán thành những quan điểm an toàn và ít gây tranh cãi nhất, và chờ xem quan điểm của chính phủ các nước khác trước khi bày tỏ quan điểm riêng của mình.

Trái ngược với cách hành xử thụ động này, trong những vấn đề liên quan đến lợi ích cốt lõi và được xác định rõ: Đài Loan, Tây Tạng, Tân Cương, nhân quyền và tranh chấp chủ quyền lãnh thổ của nước này, Bắc Kinh đã thể hiện rõ sự cảnh giác và quyết đoán về ngoại giao, nhưng các nỗ lực để bảo vệ những lợi ích này thường vụng về và thường phản tác dụng đối với hình ảnh cũng như mục tiêu của nước này. Ngoại trừ việc bảo vệ những lợi ích quốc gia hẹp hòi này của mình, ngoại giao Trung Quốc vẫn hết sức thụ động so với tầm vóc và tầm quan trọng của nước này.

Khi nhắc đến quản trị toàn cầu, điều cần thiết là phải đóng góp một cách tương xứng với năng lực tổng thể của quốc gia. Cách hành xử của Bắc Kinh nhìn chung vẫn thụ động và có tư tưởng hẹp hòi giống như phần còn lại trong chính sách ngoại giao của nước này. Trung Quốc đóng góp vào nhiều khía cạnh khác nhau trong nhiệm vụ quản trị toàn cầu: hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc, hoạt động chống cướp biển ở Vịnh Aden, các biện pháp

chống khủng bố ở Trung Á, hỗ trợ phát triển các nước bên ngoài, chống phổ biến nguyên liệu hạt nhân, y tế công cộng, cứu trợ thiên tai và phòng chống tội phạm quốc tế. Trong những lĩnh vực này, Bắc Kinh đáng được khen ngợi. Tuy nhiên, Trung Quốc có thể và nên làm nhiều hơn nữa; nước này vẫn chưa thực sự đóng góp một cách xứng đáng với tầm vóc, sự giàu có cũng như tầm ảnh hưởng của mình. Thế giới mong đợi và đòi hỏi nhiều hơn nữa từ Trung Quốc.

Tại sao chính sách ngoại giao quản trị toàn cầu của Trung Quốc khá hạn chế? Có 3 lý do chính. Đầu tiên, ở Trung Quốc vẫn còn tồn tại sự hoài nghi khá lớn về các nền tảng tự do và khái niệm cơ bản về quản trị toàn cầu. Nước này coi đây là “cái bẫy” mới nhất của phương Tây (chủ yếu là Mỹ) dùng để “tiêu hao sinh lực” của Trung Quốc bằng cách đẩy nước này vào những cuộc khủng hoảng và những nơi nước này không có lợi ích quốc gia trực tiếp - do đó sẽ phân tán nguồn lực và kiềm chế sự trỗi dậy của nước này. Thứ hai, người dân Trung Quốc sẽ chỉ trích Chính phủ phân bổ nguồn lực ra nước ngoài trong khi sự nghèo đói và những vấn đề cấp bách khác vẫn đang còn tồn tại trong nước. Và thứ ba, Trung Quốc có một cách tiếp cận kiểu như “trao đổi” để tối đa hóa những gì mình phải bỏ ra, đặc biệt là khi liên quan đến vấn đề tiền bạc. Điều này bắt nguồn từ văn hóa thương mại của Trung Quốc nhưng đã ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh trong cách hành xử của nước này. Người Trung Quốc muốn biết chính xác họ sẽ thu lại được gì từ một khoản đầu tư nhất định và là khi nào. Như vậy, toàn bộ nền tảng của hoạt động từ thiện và đóng góp không vị lợi vì các lợi ích chung toàn cầu là điều xa lạ trong suy nghĩ của nhiều người Trung Quốc.

Kết quả là, trong lĩnh vực ngoại giao - song phương, đa phương và quản trị toàn cầu - Bắc Kinh vẫn hoàn toàn thụ động và miễn cưỡng khi tham gia. Điều này hoàn toàn khác xa với việc trở thành “bên liên quan có trách nhiệm” như Robert Zoellick đã kêu gọi nước này vào năm 2005. Chính sách ngoại giao của Trung Quốc vẫn mang tính tư lợi hẹp hòi, và việc Bắc Kinh tham gia vào hoạt động quản trị toàn cầu chỉ dừng lại ở mức tối giản và mang tính chiến thuật, hơn là theo một quy chuẩn hay chiến lược. Trên thực tế, nhiệm vụ thực sự của ngoại giao Trung Quốc là thương mại. Nhìn vào thành phần phái đoàn công du nước ngoài của Chủ tịch hoặc Thủ tướng Trung Quốc, người ta có thể thấy một lượng lớn các CEO của các tập đoàn - những người đang tìm kiếm những cơ hội cho nguồn cung ứng năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, thương mại và đầu tư. Chính sách ngoại giao trọng thương như vậy không giúp Bắc Kinh có được sự tôn trọng của quốc tế và, trong thực tế, điều này bắt đầu tạo ra những làn sóng chỉ trích và phản ứng ngày càng gay gắt trên thế giới (đặc biệt là ở châu Phi và Mỹ Latinh).

Năng lực quân sự của Trung Quốc cũng cho thấy đây là một cường quốc nửa vôi: một cường quốc đang nổi trong khu vực, nhưng hoàn toàn không phải là một cường quốc toàn cầu. Trung Quốc không có khả năng triển khai sức mạnh ra ngoài phạm vi láng giềng châu Á của mình (ngoại trừ thông qua tên lửa đạn đạo liên lục địa, chương trình không gian và năng lực chiến tranh mạng), và thậm chí ngay cả ở trong châu Á, năng lực triển khai sức mạnh của nước này vẫn còn hạn chế (mặc dù đang phát triển). Không hoàn toàn chắc chắn trong việc Trung Quốc có thể triển khai sức mạnh quân sự của nước này trong khu

vực ngoại vi xa hơn 500 hải lý (ví dụ như trong tranh chấp biển Hoa Đông hay biển Đông) và *duy trì* đủ lâu để chiếm ưu thế trong xung đột. Lực lượng quân sự của nước này chưa được thử thách qua chiến đấu và cũng chưa trải qua một cuộc chiến nào kể từ năm 1979.

Dĩ nhiên, nỗ lực hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc đã tiến đều đặn trong 25 năm qua. Nước này có ngân sách quốc phòng lớn thứ hai thế giới (trong ngân sách chính thức năm 2014, con số này là 131,6 tỷ USD), lực lượng vũ trang thường trực lớn nhất, nhiều vũ khí tân tiến, một lực lượng hải quân có thể hoạt động ở vùng biển xa phía Tây Thái Bình Dương và thường ra đến cả Ấn Độ Dương, và cả một tàu sân bay khiên tốn. Vì vậy, quân sự Trung Quốc không dễ bị qua mặt. Trung Quốc hoàn toàn có khả năng bảo vệ đất nước mình và hiện có thể chiếm ưu thế trong một cuộc tranh chấp với Đài Loan (nếu không có sự can thiệp nhanh chóng và toàn diện của Mỹ). Trung Quốc được coi là một cường quốc quân sự trong khu vực châu Á, và do vậy, đang làm thay đổi cán cân quyền lực của khu vực. Nhưng lực lượng quân đội của Trung Quốc vẫn không có được khả năng triển khai sức mạnh ở phạm vi toàn cầu. Trung Quốc không có căn cứ ở nước ngoài, không có hệ thống hậu cần hay đường thông tin liên lạc tầm xa, và phạm vi phủ sóng toàn cầu còn yếu. Lực lượng hải quân chủ yếu hoạt động ở các vùng duyên hải ven biển, lực lượng không quân không có khả năng tấn công tầm xa hay năng lực tàng hình như đã chứng minh, và các lực lượng mặt đất cũng không được định hình theo hướng triển khai nhanh.

Ngoài ra, về mặt chiến lược, Trung Quốc có thể được miêu tả là một “cường

quốc đơn độc” - thiếu bạn bè thân cận và không có đồng minh. Thậm chí trong mối quan hệ thân thiết nhất của Trung Quốc (với Nga), các yếu tố như không tin tưởng và sự ngờ vực vốn có trong lịch sử luôn tồn tại trong mối quan hệ dường như có vẻ hòa hợp này. Không có một quốc gia nào tìm đến Bắc Kinh vì sự an ninh và che chở (có lẽ trừ trường hợp của Pakistan). Điều này đã cho thấy Trung Quốc thực sự thiếu tầm ảnh hưởng chiến lược của một cường quốc lớn. Hoàn toàn ngược lại với điều này, các nước khác ở châu Á đang tìm cách tăng cường quan hệ quốc phòng với Mỹ và nâng cao hợp tác với các quốc gia khác - chính xác bởi vì những bất ổn và mối đe dọa tiềm tàng mà họ nhận thấy từ Trung Quốc.

Chuyển từ sức mạnh cứng sang sức mạnh mềm, làm cách nào Trung Quốc có thể trở thành một cường quốc văn hóa toàn cầu? Không có cách nào. Không một xã hội nào coi Trung Quốc là hình mẫu về văn hóa, không một quốc gia nào tìm cách sao chép hệ thống chính trị Trung Quốc và hệ thống kinh tế của nước này cũng không được sao chép ở bất kỳ nơi nào. Mặc dù Trung Quốc đã tốn nhiều công sức và nguồn lực tìm cách xây dựng sức mạnh mềm và nâng cao hình ảnh kinh tế của mình từ năm 2008, danh tiếng toàn cầu của nước này vẫn đi kèm với những điều tiếng. Các cuộc khảo sát ý kiến công chúng cho thấy, ở khắp nơi trên thế giới, nhận thức về Trung Quốc còn mâu thuẫn, đang suy yếu và ngày càng có nhiều vấn đề.

Trung Quốc không phải là một thói nam châm để các nước khác noi theo - về phương diện văn hóa, xã hội, kinh tế hay chính trị. Vấn đề của Trung Quốc

trong cả 4 lĩnh vực này rất khác biệt. Trung Quốc thiếu sức hút mang tính phổ quát vượt ra ngoài biên giới của mình hay cộng đồng dân tộc Trung Quốc. Điều này chủ yếu là do sự độc đáo trong văn hóa, kinh tế, xã hội và chính trị của Trung Quốc. Sức mạnh mềm toàn cầu của nước này trở nên yếu hay không tồn tại.

Các sản phẩm văn hóa của Trung Quốc - nghệ thuật, điện ảnh, văn hóa, âm nhạc, giáo dục - vẫn chưa được biết đến nhiều bên ngoài Trung Quốc và không tạo ra được xu hướng văn hóa toàn cầu. Sự phát triển kinh tế đáng ngưỡng mộ của Trung Quốc là sản phẩm của sự kết hợp độc đáo những đặc trưng mà các quốc gia khác không thể sao chép được (lợi thế quy mô cạnh tranh, quy hoạch nhà nước kiểu Xô viết, kinh doanh cá thể, lực lượng lao động đông đảo và có kỷ luật, hệ thống nghiên cứu và phát triển quy mô lớn cùng với nguồn đầu tư nước ngoài dồi dào). Dù một “hình mẫu Trung Quốc” có tồn tại (điều này vẫn còn đang tranh cãi), nó cũng không thể được xuất khẩu bởi vì đây là tổng hợp những yếu tố tăng trưởng không một nơi nào có. Hệ thống chính trị của Trung Quốc tương tự như một sự pha trộn có tính chiết trung giữa chủ nghĩa cộng sản Lenin, chủ nghĩa độc tài châu Á, chủ nghĩa truyền thống Nho giáo và một nhà nước có nội bộ an ninh vững mạnh. Sự khác biệt của Trung Quốc không thể áp dụng được. Không có nhà nước nào tìm cách để làm điều đó, cũng không ai thấy người nước ngoài nào xin tị nạn chính trị hay quyền công dân ở Trung Quốc.

Về sức mạnh kinh tế của Trung Quốc thì sao? Đây là lĩnh vực mà người ta thường trông đợi Trung Quốc sẽ là

một cường quốc toàn cầu và là nước tiên phong mở ra một xu hướng mới - nhưng ảnh hưởng của Trung Quốc ít hơn nhiều so với kỳ vọng. Như ở những lĩnh vực khác, sức mạnh kinh tế của nước này chỉ gây ấn tượng về lượng nhưng yếu về chất. Trung Quốc là quốc gia thương mại lớn nhất thế giới, nhưng mặt hàng xuất khẩu của quốc gia này nhìn chung là hàng tiêu dùng cấp thấp; nhận diện thương hiệu quốc tế của những sản phẩm này còn thấp; chỉ một số ít công ty đa quốc gia đang hoạt động thành công ở nước ngoài; tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chỉ xếp hạng thứ 17 trên toàn thế giới; các chương trình viện trợ nước ngoài của Trung Quốc có quy mô nhỏ so với các chương trình của Mỹ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản hoặc Ngân hàng Thế giới.

Khi đánh giá chất lượng thay vì số lượng, hồ sơ kinh tế toàn cầu của Trung Quốc không thật sự quá ấn tượng. Đây vẫn là một nền kinh tế gia công và lắp ráp - không phải là một nền kinh tế mang tính sáng tạo và phát minh. Hầu hết các sản phẩm hàng hóa được lắp ráp hoặc sản xuất ở Trung Quốc để xuất khẩu đều được phát minh ở những nơi khác. Nạn ăn cắp bản quyền trí tuệ tràn lan ở Trung Quốc và các chương trình chính phủ nhằm thúc đẩy “sự sáng tạo trong nước” (hàng tỷ USD đã được đổ vào các nghiên cứu và phát triển trong nước hàng năm) đã cho thấy rõ việc Trung Quốc thất bại trong hoạt động sáng tạo. Điều này có thể, và có lẽ sẽ, thay đổi theo thời gian - nhưng cho đến nay, Trung Quốc vẫn không thiết lập được những tiêu chuẩn toàn cầu trong gần như tất cả các dây chuyền sản xuất công nghệ hoặc sản phẩm (hoặc trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học y tế, khoa học xã hội hoặc nhân văn).

Tương tự như vậy, Trung Quốc chỉ có 2 trường đại học thuộc 100 trường đại học đứng đầu thế giới theo Bảng xếp hạng các trường Đại học thế giới năm 2013-2014 của tạp chí *Times Higher Education*.

Nếu Trung Quốc thúc đẩy sự sáng tạo, tất nhiên nước này cần phải đầu tư nhiều hơn cho công tác nghiên cứu và phát triển. Theo Quỹ Khoa học Quốc gia, vào năm 2009, Trung Quốc chỉ sử dụng 1,7% GDP của mình cho công tác nghiên cứu và phát triển, so với 2,9% ở Mỹ, 2,8% ở Đức và hơn 3,3% ở Nhật Bản. “Cường độ nghiên cứu” của công tác nghiên cứu và phát triển của Trung Quốc thậm chí không đưa nước này vào 20 quốc gia đứng đầu toàn cầu với ước tính 80% kinh phí được dùng cho phát triển sản phẩm và chỉ 5% được dùng cho nghiên cứu cơ bản. Việc Trung Quốc thiếu các giải thưởng Nobel cũng là một dấu hiệu cho thấy điều này. Từ năm 1949 đến năm 2010, 584 giải Nobel đã được trao. Người Trung Quốc giành được 10 giải trong số này (8 trong số đó về khoa học), nhưng 8/10 người đoạt giải làm việc ở nước ngoài. Hai trường hợp ngoại lệ là giải Nobel Hòa bình năm 2010 của Liu Xiaobo (Lưu Hiểu Ba) và giải Nobel Văn học của Mo Yan (Mạc Ngôn) vào năm 2011. Việc trích dẫn trên các tạp chí chuyên đề cũng là một dấu hiệu. Trong số các bài viết được trích dẫn nhiều nhất (ở tất cả các chuyên ngành học thuật), học giả Trung Quốc chỉ chiếm 4% trong khi người Mỹ chiếm 49%.

Do căn bệnh “thâm hụt sáng tạo” mãn tính, Trung Quốc hiện nay đang bị đẩy vào “cái bẫy thu nhập trung bình” nguy hiểm. Cách duy nhất để thoát khỏi cái bẫy này là thông qua sự sáng tạo - như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và

Đài Loan đã chứng minh trước đây. Và điều này đòi hỏi Chính phủ phải đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu và phát triển - nó cần một hệ thống giáo dục dựa trên lối tư duy phê phán và tự do khám phá. Tiếp theo, điều này đòi hỏi một hệ thống chính trị tương đối cởi mở và dân chủ, không cho phép kiểm duyệt hoặc tồn tại “những vùng cấm” trong nghiên cứu. Sinh viên và tầng lớp trí thức phải được khuyến khích khi đi ngược lẽ phải thông thường và phạm sai lầm, chứ không phải bắt lỗi hoặc trách phạt. Nếu điều này không xảy ra, Trung Quốc sẽ mãi mãi bị mắc kẹt trong cái bẫy thu nhập trung bình - chỉ lắp ráp và sản xuất chứ không phải là phát minh và sáng tạo.

Xét trong bối cảnh này, sức mạnh thương mại của Trung Quốc yếu hơn nhiều so với bên ngoài của nước này. Điểm yếu tương tự của nước này được chứng minh trong nguồn vốn đầu tư ra bên ngoài (ODI). Mặc dù chính quyền ưu tiên khuyến khích các doanh nghiệp Trung Quốc “vươn ra ngoài” thế giới, cho đến nay, ODI của Trung Quốc vẫn còn khá thấp. Như đã nói ở trên, tổng ODI vừa đủ để đưa Trung Quốc vào danh sách 20 quốc gia hàng đầu thế giới mặc dù mức lưu thông hàng năm đang tăng nhanh chóng và hiện nước này đang đứng thứ 3 trên thế giới (88,2 tỷ USD trong năm 2012). Nhưng ODI của nước này vẫn chỉ bằng 1/4 của Mỹ trong cùng năm.

Quan trọng hơn, như trong các lĩnh vực khác trong hồ sơ toàn cầu của Trung Quốc, người ta cần phải đánh giá kỹ những chỉ số thống kê định lượng để trả lời những câu hỏi về chất lượng: Nguồn vốn này sẽ rót vào đâu và liệu có phải là vốn đầu tư thật không? Các đích đến ở nước ngoài và cơ cấu ODI của

Trung Quốc đã thay đổi nhanh chóng kể từ năm 2011, nhưng phần lớn trong danh mục đầu tư vẫn chảy về những nơi như Quần đảo Virgin thuộc Anh và Quần đảo Grand Cayman (điểm tiếp nhận ODI đứng thứ 2 và thứ 3 trong năm 2011). Do đó, một số hoạt động ở đây không phải là đầu tư ra nước ngoài - đây thực sự là tiền lưu lại ở nước ngoài tại những địa điểm an toàn. Điều này không chỉ đúng với Chính phủ và các doanh nghiệp Trung Quốc mà còn đối với cả nguồn tài sản cá nhân. Sách xanh thường niên về *Di cư quốc tế của người Trung Quốc* năm 2014, do Trung tâm Trung Quốc và Toàn cầu hóa biên soạn, mới đây chỉ ra rằng, kể từ năm 1990, tổng cộng 9,3 triệu người Trung Quốc đã di cư ra nước ngoài, mang theo 2,8 nghìn tỷ Nhân dân tệ (46 tỷ USD). Đây không phải là một diễn biến mới mà là một xu hướng đang phát triển trong thập kỷ vừa qua. Khi những tinh hoa kinh tế của một quốc gia ra đi với số lượng lớn như vậy và quá lo lắng với việc bảo vệ nguồn tiền tiết kiệm cá nhân ở nước ngoài, điều này rõ ràng nói nên sự (thiếu) niềm tin vào chính hệ thống chính trị và kinh tế của quốc gia họ.

Tuy nhiên gần đây, hồ sơ ODI và đích đến địa lý của Trung Quốc đang thay đổi. Trung Quốc đang tăng cường hoạt động đầu tư và thu mua ở khắp châu Á, Mỹ Latinh, châu Âu và Mỹ. Người thu mua Trung Quốc đang thầu tất cả các loại tài sản - tài sản nhà ở và thương mại, nhà máy, khu công nghiệp, cơ sở nghiên cứu và phát triển, trang trại, rừng, mỏ, mỏ dầu và khí đốt, và nhiều nguồn tài nguyên khác. Các công ty Trung Quốc đang tích cực sáp nhập hoặc mua lại các công ty nước ngoài. Các cá nhân Trung Quốc cũng đang mua số lượng lớn những tác phẩm

nghệ thuật có giá trị trên thị trường đấu giá quốc tế. Do đó, hồ sơ đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc đang thay đổi nhanh chóng, nhưng tác động của những việc này vẫn còn chưa rõ ràng.

Vậy còn những công ty đa quốc gia của Trung Quốc thì sao? Sức cạnh tranh của những công ty này ở nước ngoài như thế nào? Giống như các lĩnh vực khác, các công ty này có khá nhiều điểm yếu. Xét bề ngoài, theo bảng xếp hạng Fortune Global 500, các công ty Trung Quốc chỉ đứng thứ 2 sau các công ty đa quốc gia của Mỹ. Nhưng bảng xếp hạng này tính toán dựa trên tổng doanh thu và lợi nhuận - chứ không phải là *khu vực* mà công ty này tạo ra lợi nhuận. Khi xem xét các công ty Trung Quốc trong danh sách năm 2013, người ta nhanh chóng nhận ra rằng rất ít công ty hoạt động ở nước ngoài và chỉ một số nhỏ kiếm được hơn một nửa doanh thu từ hoạt động kinh doanh ở nước ngoài. Vậy những công ty này không thực sự là những công ty *đa quốc gia* mà đúng hơn chỉ là những công ty hoạt động trong nước.

Nhiều doanh nghiệp có thể muốn mở rộng kinh doanh ra toàn cầu, nhưng cho đến nay họ chưa thu được kết quả tốt đẹp nào cụ thể. Có nhiều câu chuyện thất bại hơn là thành công từ những công ty đa quốc gia Trung Quốc tham vọng. Các vụ sáp nhập và mua lại của các công ty Trung Quốc thường gặp nhiều khó khăn do lãnh đạo những công ty này không thẩm định trước tính khả thi hoặc do xung đột văn hóa doanh nghiệp. Xét về mọi khía cạnh, điểm yếu lớn nhất của các công ty đa quốc gia Trung Quốc là nguồn nhân lực - đặc biệt là khâu quản lý. Các nhà quản lý có nền tảng đa ngôn ngữ và đa văn hóa vô cùng hiếm hoi, và các công ty Trung

Quốc không thường tuyển người nước ngoài với những kỹ năng này cho các vị trí quản lý cấp cao (Huawei và Haier là trường hợp ngoại lệ). Các công ty Trung Quốc và những nhà quản lý của họ thường cho thấy sự thiếu khả năng thoát khỏi văn hóa doanh nghiệp và thực tiễn kinh doanh của nước họ. Nghiêng về hệ thống thứ bậc và vai trò làm việc chưa được định nghĩa rõ ràng, các công ty Trung Quốc thường khó làm quen với các cơ cấu quản lý coi trọng sự phân quyền và những sáng kiến cá nhân. Xu hướng này dẫn đến những xung đột văn hóa lặp đi lặp lại khi các công ty Trung Quốc sáp nhập với các công ty phương Tây. Các công ty Trung Quốc gặp nhiều khó khăn trong việc thích nghi với quy định pháp luật, thuế và môi trường chính trị nước ngoài. Tính minh bạch và quản trị doanh nghiệp không phải là những đặc tính thường thấy ở những công ty Trung Quốc, nơi mà quá trình đưa ra quyết sách thường không rõ ràng, hoạt động kinh doanh thường bị bòn rút và các thủ tục kế toán thường bị gian lận. Nhiều công ty Trung Quốc bị phát hiện gửi thông tin lừa đảo lên các cơ quan quản lý chứng khoán ở Mỹ trước khi phát hành cổ phiếu ra công chúng lần đầu.

Sự thiếu sức cạnh tranh của các công ty Trung Quốc cũng thể hiện rõ khi nói đến các thương hiệu quốc tế. Chỉ một số ít công ty Trung Quốc có khả năng thiết lập sự hiện diện thương hiệu ở nước ngoài: bia Tsingtao, thiết bị gia dụng Haier, viễn thông Huawei, hàng không Air China, ô tô Geely và một số công ty khác. Nhưng không một công ty nào nằm trong danh sách 100 thương hiệu hàng đầu quốc tế của tạp chí *Business Week* và công ty *Interbrand*.

Những chỉ số khác về năng lực nội địa của Trung Quốc cũng không được xếp hạng cao và khả quan. Năm 2014, Freedom House xếp Trung Quốc đứng ở vị trí 183 trong 197 quốc gia về tự do báo chí. Kể từ năm 2002, Chỉ số Quản trị Toàn cầu tổng hợp của Ngân hàng Thế giới đã liên tục xếp Trung Quốc ở phân vị thứ 30 về sự ổn định chính trị và kiểm soát tham nhũng, phân vị thứ 50 về tính hiệu quả của chính phủ, thứ 40 về chất lượng quản lý và quy định về pháp luật, và dưới phân vị thứ 10 về tính trách nhiệm. Theo Chỉ số Cạnh tranh Toàn cầu tổng hợp năm 2013, Diễn đàn Kinh tế Thế giới chỉ xếp Trung Quốc thứ 29 trên toàn thế giới, thứ 69 về tham nhũng và thứ 54 về đạo đức kinh doanh. Tổ chức Minh bạch thế giới còn xếp Trung Quốc ở vị trí thấp hơn (thứ 80) trong chỉ số tham nhũng quốc tế năm 2013 của tổ chức này. Gần như tất cả các đánh giá và những xếp hạng này cho thấy Trung Quốc đang *tuột dốc* trong thập kỷ vừa qua. Bằng cách này hay cách khác, rõ ràng rằng sự hiện diện toàn cầu và tiếng tăm của Trung Quốc đang đi cùng nhau. Trong nhiều phương diện, Trung Quốc tự nhận thấy đang bị cùng nhóm với những quốc gia hoạt động kém hiệu quả và ít được tôn trọng nhất trên thế giới.

Báo cáo Phát triển Con người 2013 của Liên Hợp Quốc cho thấy, dù Trung Quốc đã đạt được những tiến triển về kinh tế, xã hội to lớn và đáng ngưỡng mộ kể từ những năm 1980, thì quốc gia này vẫn tiếp tục là một quốc gia đang phát triển. Trung Quốc đứng thứ 101 về chỉ số tổng thể trong 187 quốc gia được khảo sát. Thu nhập bình quân đầu người hiện nay gần 8.000 USD trong điều kiện ngang sức mua, nhưng 13,1%

dân số vẫn sống dưới 1,25 USD /ngày. Ở các khía cạnh như tuổi thọ, tỷ lệ trẻ sơ sinh tử vong, dịch vụ chăm sóc y tế, chất lượng giáo dục và sự bất bình đẳng, Trung Quốc vẫn tụt lại khá xa so với các nước công nghiệp. Môi trường độc hại và ô nhiễm của Trung Quốc đứng đầu thế giới và khiến tỷ lệ mắc bệnh ung thư ngày càng gia tăng. Bất chấp nỗ lực gần đây của Chính phủ để mở rộng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ở nhiều mức độ cùng với bảo hiểm, phần lớn người dân Trung Quốc vẫn phải đối mặt với những khó khăn khi gặp phải các vấn đề về sức khỏe. Hệ số Gini của nước này (hệ số đánh giá sự bất bình đẳng thu nhập, với 0 thể hiện bình đẳng tuyệt đối và 1 thể hiện bất bình đẳng tuyệt đối) hiện đang ở gần mức 0,5, nằm trong nhóm các nước có hệ số cao nhất thế giới. Các trường tiểu học và trung học Trung Quốc có những kết quả kiểm tra được xếp hạng thế giới nhưng hệ thống trường đại học của nước này vẫn tụt khá xa so với những hệ thống các trường đứng đầu thế giới.

Những đánh giá trên không có ý định coi nhẹ những thành tựu phát triển đáng kinh ngạc của Trung Quốc trong 3 thập kỷ qua. Chúng chỉ đơn giản nhắc người ta rằng Trung Quốc còn xa mới tiến gần được các nhóm đứng đầu thế giới trong nhiều lĩnh vực phát triển.

Trên đây chính là hình ảnh của Trung Quốc hiện nay. 10 hay 20 năm sau nữa, vị thế toàn cầu của Trung Quốc có thể tiến xa rất nhiều trong tất cả những lĩnh vực này và nước này có thể hoạt động trên một nền tảng toàn cầu tương tự như Mỹ. Nhưng tại thời điểm này, Trung Quốc chỉ là một cường quốc toàn cầu nửa vời. Nhưng không có nghĩa là người ta có thể nhận định một cách đơn

giảm ràng quỹ đạo tăng trưởng của Trung Quốc sẽ tiếp tục không bị sụt giảm. Điều đó có thể xảy ra, nhưng sẽ chỉ có 2 khả năng - đó là sự trì trệ và tụt hậu.

Nhiều nhà quan sát Trung Quốc kết luận rằng, quốc gia này đang đạt tới ngưỡng ở nhiều phương diện. Tăng trưởng chung đang chững lại (do chi phí sản xuất tăng cao và lợi thế so sánh suy giảm) và Chính phủ đang vật lộn để duy trì tốc độ tăng trưởng 7% hàng năm để có thể đảm bảo tình trạng có đủ việc làm, thu hút lực lượng lao động mới và duy trì ổn định xã hội. Dù có cố gắng, Chính phủ Trung Quốc vẫn không thể thực hiện được sự chuyển đổi đã từng tuyên bố từ một nền kinh tế xuất khẩu theo định hướng đầu tư sang nền kinh tế dựa trên khả năng tiêu thụ nội địa, một “nền kinh tế tri thức” sáng tạo. Hoạt động sản xuất không có những bước tiến đáng kể trong chuỗi giá trị và công nghệ, sự kìm hãm của cái bẫy thu nhập trung bình đang hình thành (và có thể trở thành một tình trạng vô thời hạn). Các khoản nợ địa phương đang tăng lên và nhiều cơ quan chính phủ địa phương đang đứng trên bờ vực phá sản. Sự bất bình đẳng xã hội ngày càng trở nên sâu sắc, nạn tham nhũng tràn lan trong chính quyền và xã hội, nổi thất vọng bao trùm trong mọi khía cạnh xã hội, ngày càng có nhiều người giàu rời bỏ đất nước, tầng lớp trung lưu ở trạng thái trì trệ, hệ thống chính trị vẫn còn cứng nhắc và hà khắc. Trong khi đó, quốc gia này vẫn không thực hiện những đổi mới chính trị và pháp lý cần thiết để thúc đẩy giai đoạn tiếp theo của tăng trưởng, bởi điều này sẽ tác động trực tiếp đến quyền lực tuyệt đối của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Một số nhà Hán học hiện nay cho rằng, bản thân Đảng Cộng sản Trung Quốc là trở ngại chính đối với sự tăng trưởng và phát triển trong tương lai của Trung Quốc. Tổ chức đảng ngày càng trở nên không bền vững, mong manh và kém hiệu quả, đã trở nên tê liệt kể từ năm 2008. Một phần lý do cho sự tê liệt này là quá trình chuyển giao lãnh đạo năm 2012 và những đấu đá phe phái dẫn đến điều này (bao gồm cả vụ Bạc Lai Hy), nhưng nó cũng liên quan đến tình trạng bất ổn ngày càng gia tăng ở trong nước (đặc biệt là ở Tây Tạng và Tân Cương). Có những yếu tố khác góp phần vào việc thanh lọc và trấn áp đảng trong 5 năm qua, bao gồm cả những lo ngại về hiệu ứng của Mùa xuân Ả rập. Tuy nhiên, chúng ta vẫn chưa thấy một động thái tích cực nào trong cải cách chính trị kể từ sau quá trình chuyển giao lãnh đạo và việc củng cố quyền lực của ông Tập Cận Bình. Ngược lại, việc thăng tay đàn áp chính trị đã tăng lên kể từ khi ông Tập Cận Bình nắm quyền. Thậm chí Hội nghị toàn thể lần thứ 3 của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc vào tháng 11/2013 báo cáo trước sự đột biến trong cải cách, đến nay cũng cho thấy nó đã bị thổi phồng lên so với thực tế.

Nhiều nhà quan sát Trung Quốc nhận thấy, đây là sự tổng hòa các tác nhân gây nguy hiểm đến quốc gia này hiện nay. Chính phủ và người dân Trung Quốc hiện đang phải đối mặt với hàng loạt thách thức thực sự và đầy khó khăn. Do đó, người ta không nên mù quáng cho rằng tương lai của Trung Quốc vẫn sẽ thể hiện được sự năng động như trong 30 năm qua hay con đường đi tới vị trí cường quốc toàn cầu của quốc gia này sẽ vẫn tiếp tục được mở rộng □